|  |
| --- |
| **Phụ lục**  **DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021**  **SANG NĂM 2022**  *(Kèm theo Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | *489.071.430.514* | *Đơn vị: Đồng* |
| **STT** | **Tên dự án** | **Tiến độ** | **Kế hoạch năm 2021** | **Số giải ngân đến 31/01/2022** | **Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022** | **Chủ đầu tư** |
|
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  | **489.071.430.514** |  |
| **I** | **NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG** |  | **724.846.000.000** | **416.021.883.410** | **301.641.723.590** | **-** |
| 1 | 7811418. Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ | Tối đa 3 năm | 44.000.000.000 | 39.770.703.837 | 4.229.296.163 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 2 | 7431293. Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát), thành phố Biên Hòa | 2020-2023 | 14.000.000.000 | 10.496.542.000 | 3.503.458.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | 7852272. Xây dựng đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh | 2021-2023 | 500.000.000 | 0 | 500.000.000 | UBND thành phố Long Khánh |
| 4 | 7671666. Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào Khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán |  | 7.500.000.000 | 6.581.015.000 | 918.985.000 | UBND huyện Định Quán |
| 5 | 7930180. Xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ | Tối đa 4 năm | 1.000.000.000 | 713.927.000 | 286.073.000 | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 6 | 7851696. Nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh | Tối đa 3 năm | 500.000.000 | 0 | 500.000.000 | UBND thành phố Long Khánh |
| 7 | 7851697. Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh | Tối đa 4 năm | 1.000.000.000 | 846.124.000 | 153.876.000 | UBND thành phố Long Khánh |
| 8 | 7431291. Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao phố), thành phố Biên Hòa | 2021-2024 | 3.150.000.000 | 1.972.052.000 | 1.177.948.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 9 | 7912719. Tiểu dự án giải phóng mặt bằng phân đoạn qua thành phố Biên Hòa thuộc dự án tuyến chống ùn tắc giao thông trên Quốc lộ 1 khu vực phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa và huyện Trảng Bom |  | 2.100.000.000 | 0 | 2.100.000.000 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 10 | 7009680. Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành | 2017-2021 | 35.000.000.000 | 5.824.267.000 | 29.175.733.000 | UBND huyện Long Thành |
| 11 | 7811889. Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án khẩn cấp bảo tồn Voi Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020 | Tối đa 5 năm | 7.105.000.000 | 3.106.341.900 | 3.998.658.100 | Chi cục Kiểm lâm |
| 12 | 7004913. Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán, tỉnh Đồng Nai | 2017-2022 | 41.090.000.000 | 35.797.305.000 | 5.292.695.000 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi |
| 13 | 7161160. Hồ chứa nước Cà Ròn, thuộc xã Gia Canh huyện Định Quán | 2020-2023 | 7.500.000.000 | 5.587.524.000 | 1.912.476.000 | UBND huyện Định Quán |
| 14 | 7888896. Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc | Tối đa 4 năm | 450.000.000 | 343.350.000 | 106.650.000 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 15 | 7626471. Dự án tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh | Tối đa 3 năm | 10.000.000.000 | 9.108.063.734 | 891.936.266 | Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi |
| 16 | 7850701. Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1) | Tối đa 5 năm | 162.000.000 | 143.000.000 | 19.000.000 | Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi |
| 17 | 7353613. Đầu tư xây dựng công trình trung tâm chiếu xạ tỉnh Đồng Nai | 2017-2021 | 10.000.000.000 | 0 | 10.000.000.000 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 18 | 7891064. Xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch | Tối đa 4 năm | 1.600.000.000 | 989.119.000 | 610.881.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 19 | 7852273. Mở rộng mặt đường, bố trí làn chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm Bến xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh | Tối đa 4 năm | 1.000.000.000 | 0 | 1.000.000.000 | UBND thành phố Long Khánh |
| 20 | 7004686. Xây dựng Sở chỉ huy cơ bản ĐA2 Bộ CHQS tỉnh (DA mật) | Tối đa 5 năm | 15.000.000.000 | 0 | 15.000.000.000 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh |
| 21 | 7680354. Xây dựng trạm bơm ấp 7, xã Phú Tân, huyện Định Quán | 2018-2021 | 20.000.000.000 | 16.434.183.100 | 3.565.816.900 | UBND huyện Định Quán |
| 22 | 7005106. Tuyến thoát nước dải cây xanh huyện Nhơn Trạch | 2017-2021 | 10.000.000.000 | 8.877.344.000 | 1.122.656.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 23 | 7005124. Hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong, huyện Long Thành | 2017-2022 | 65.433.000.000 | 61.242.431.134 | 4.190.568.866 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 24 | 7739707. Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán | 2020-2024 | 30.000.000.000 | 23.914.323.000 | 6.085.677.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 25 | 7572389. Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa | 2017-2021 | 43.073.000.000 | 40.486.781.000 | 2.586.219.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 26 | 7638978. Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ khu dân cư dọc sông Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa | 2017-2021 | 3.200.000.000 | 2.864.069.000 | 335.931.000 | UBND thành phố Biên Hòa |
| 27 | 7563733. Hạ tầng điểm dân cư nông thôn số 6, xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu | 2017-2021 | 55.400.000.000 | 37.425.035.000 | 17.974.965.000 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 28 | 7820692. Nâng cấp đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu | Tối đa 5 năm | 33.500.000.000 | 30.290.214.972 | 3.209.785.028 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 29 | 7820693. Nâng cấp đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu | Tối đa 5 năm | 33.500.000.000 | 26.366.906.000 | 7.133.094.000 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 30 | 7692037. Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, huyện Xuân Lộc | Tối đa 4 năm | 600.000.000 | 399.312.000 | 200.688.000 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 31 | 7793261. Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.768 huyện Vĩnh Cửu đoạn từ cầu vượt Thủ Biên giao với đường ĐT.767 tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu | Tối đa 5 năm | 40.923.000.000 | 16.431.334.000 | 24.491.666.000 | UBND huyện Vĩnh Cửu |
| 32 | 7880688. Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán | Tối đa 4 năm | 1.000.000.000 | 628.933.000 | 371.067.000 | UBND huyện Định Quán |
| 33 | 7004692. Dự án trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai | 2018-2022 | 150.000.000.000 | 12.908.163.637 | 137.091.836.363 | Công an tỉnh Đồng Nai |
| 34 | 7004692. Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình Công an tỉnh | 2021-2023 | 8.560.000.000 | 8.207.585.096 | 352.414.904 | Công an tỉnh Đồng Nai |
| 35 | 7671672. Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai | 2018-2022 | 27.000.000.000 | 8.265.934.000 | 11.551.673.000 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| **II** | **NGUỒN VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT** |  | **597.860.000.000** | **407.115.377.970** | **175.209.996.030** |  |
| 1 | 7600086. Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1) | 2019-2021 | 13.450.000.000 | 1.124.730.901 | 12.325.269.099 | Chi cục Kiểm lâm |
| 2 | 7769935. Đầu tư xây dựng Văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai | Tối đa 3 năm | 24.000.000.000 | 15.247.087.300 | 8.752.912.700 | Sở Giao thông vận tải |
| 3 | 7730404. Xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai | Tối đa 3 năm | 10.000.000.000 | 1.664.576.000 | 8.335.424.000 | Bệnh viện Da liễu Đồng Nai |
| 4 | 7916192. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai | 2021-2023 | 4.400.000.000 | 439.020.000 | 3.960.980.000 | Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai |
| 5 | 7156480. Xây dựng cơ sở hạ tầng làng đồng bào dân tộc Chơro (giai đoạn i) | 2018-2021 | 10.000.000.000 | 9.695.081.000 | 304.919.000 | UBND thành phố Long Khánh |
| 6 | 7742011. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai | Tối đa 3 năm | 10.500.000.000 | 2.857.369.000 | 7.642.631.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 7 | 7779119. Dự án xây dựng mới Hội trường Trung tâm Tổ chức sự kiện huyện Tân Phú | 2019-2021 | 8.900.000.000 | 4.366.179.000 | 4.533.821.000 | UBND huyện Tân Phú |
| 8 | 7933599. Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III | 2021-2023 | 4.500.000.000 | 269.840.000 | 4.230.160.000 | 'Trường Đại học Đồng Nai |
| 9 | 7856891. Đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai | 2020-2022 | 20.000.000.000 | 10.787.560.000 | 9.212.440.000 | Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai |
| 10 | 7524610. Mở rộng, trùng tu và tôn tạo di tích Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh | 2018-2022 | 25.000.000.000 | 7.320.263.500 | 17.679.736.500 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 11 | 7650101. Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai | 2018-2022 | 9.210.000.000 | 8.406.367.000 | 803.633.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 12 | 7919420. Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cổ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600) tại huyện Định Quán | Tối đa 5 năm | 13.419.000.000 | 80.641.000 | 13.338.359.000 | UBND huyện Định Quán |
| 13 | 7596105. Khối điều trị Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất | 2017-2021 | 240.000.000.000 | 197.462.974.321 | 42.537.025.679 | Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất |
| 14 | 7739708. Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cổ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600), huyện Định Quán và huyện Tân Phú | Tối đa 5 năm | 24.529.000.000 | 5.870.026.000 | 18.658.974.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 15 | 7816464. Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, xây dựng đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán | Tối đa 5 năm | 125.400.000.000 | 104.865.374.000 | 5.000.000.000 | UBND huyện Định Quán |
| 16 | 7386393. Trường Trung học phổ thông Chu Văn An | 2016-2021 | 6.452.000.000 | 5.984.341.000 | 467.659.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 17 | 7723113. Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Quán | Tối đa 5 năm | 30.000.000.000 | 16.084.721.000 | 13.915.279.000 | UBND huyện Định Quán |
| 18 | 7738234. Phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016 - 2020 | Tối đa 3 năm | 6.400.000.000 | 5.282.458.000 | 1.117.542.000 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú |
| 19 | 7827098. Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cổ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600), huyện Tân Phú | Tối đa 5 năm | 10.000.000.000 | 9.016.768.948 | 983.231.052 | UBND huyện Tân Phú |
| 20 | 7813217. Xây dựng mới khối nhà 02 tầng Trung tâm Y tế huyện Long Thành | 2021-2023 | 1.700.000.000 | 290.000.000 | 1.410.000.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| **III** | **NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT** |  | **168.800.000.000** | **156.580.289.106** | **12.219.710.894** | **-** |
| 1 | 7510365. Tiểu dự án giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp đường ĐT.763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến) phân đoạn thuộc huyện Xuân Lộc | 2019-2023 | 60.000.000.000 | 59.990.171.444 | 9.828.556 | UBND huyện Xuân Lộc |
| 2 | 7382311. Nâng cấp ĐT.763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến) | 2019-2023 | 42.000.000.000 | 29.984.649.000 | 12.015.351.000 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | 7793261. Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.768 huyện Vĩnh Cửu đoạn từ cầu vượt Thủ Biên giao với đường ĐT.767 tại thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu | Tối đa 5 năm | 66.800.000.000 | 66.605.468.662 | 194.531.338 | UBND huyện Vĩnh Cửu |